

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I TOÁN – TIẾNG VIỆT LỚP 2

A. TOÁN: (Ôn từ tuần 1 đến tuần 17)

1. Viết các số sau:

- a) 5 chục 7 đơn vị; 2 chục 9 đơn vị; 8 chục 1 đơn vị; chín mươi tư; ba mươi một.
b) Bảy mươi lăm ki-lô-gam; bốn mươi hai đề-xi-mét; sáu mươi hai mét; mười bốn lít.

2. Viết các số sau: 23; 14; 35; 86; 47; 90.

- a) Theo thứ tự giảm dần:.....
b) Theo thứ tự tăng dần:

3.

a) Điền số vào chỗ chấm:

$$\begin{array}{ll} 1 \text{ dm} = \dots \text{ cm} & 3 \text{ dm } 9 \text{ cm} = \dots \text{ cm} \\ 4 \text{ dm} = \dots \text{ cm} & 6 \text{ dm } 7 \text{ cm} = \dots \text{ cm} \\ 50 \text{ cm} = \dots \text{ dm} & 93 \text{ cm} = \dots \text{ dm } \dots \text{ cm} \end{array}$$

b) Điền đơn vị vào chỗ chấm:

$$\begin{array}{ll} 8 \text{ dm} = 80 \dots & 2 \text{ dm } 4 \text{ cm} = 24 \dots \\ 30 \text{ cm} = 3 \dots & 5 \text{ dm} = 50 \dots \\ 6 \text{ dm} = 60 \dots & 23 \text{ cm} = 2 \dots 3 \dots \end{array}$$

4. a) Vẽ đoạn thẳng MN dài 1dm 2cm.

.....

- b) Vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm.
c) Vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm.
d) Vẽ đường thẳng đi qua 3 điểm.

e) Nêu tên 3 điểm thẳng hàng (dùng thước thẳng để kiểm tra).

A.

B

C

D

H

E

5. Tính:

a) $56 + 13$ $47 + 38$ $75 + 19$

$83 - 35$ $41 - 24$ $72 - 68$

b) $36 + 9$ $82 + 18$ $14 + 87$

$71 - 59$ $100 - 23$ $49 - 21$

c) $49 \text{ kg} + 53 \text{ kg} - 34 \text{ kg} = \dots\dots\dots$

$98 \text{ l} - 19 \text{ l} + 3 \text{ l} = \dots\dots\dots$

6. Tính nhẩm:

a) $59 \text{ kg} - 12 \text{ kg} - 6 \text{ kg} =$

$100 \text{ l} - 8 \text{ l} =$

$45 - 5 - 5 =$

$16 - 9 + 7 =$

b) $23 \text{ cm} + 6 \text{ cm} - 1 \text{ cm} =$

$80 - 10 - 7 =$

$43 \text{ dm} - 3 \text{ dm} + 7 \text{ dm} =$

$36 + 4 - 5 =$

c) $9 + 8 + 1 =$

$13 + 5 + 5 =$

$6 + 2 + 4 =$

$36 - 6 - 4 =$

7. Tìm y:

$$y + 73 = 100$$

$$y - 38 = 62$$

$$56 + y = 81$$

$$69 - y = 24$$

$$39 + y = 93 + 6$$

$$54 - y = 38$$

$$42 - y = 21 - 9$$

$$y - 17 = 16 + 38$$

8. Điền số vào bảng sau:

Số liền trước	Số ở giữa	Số liền sau
	81	
		100
	40	
		99
59		
	66	

9. Điền số vào chỗ chấm:

a) 1 ngày có giờ.

b) 24 giờ trong 1 ngày được tính từ giờ đêm hôm trước đến giờ đêm hôm sau.

c) 1 giờ chiều còn gọi là giờ.

4 giờ chiều còn gọi là giờ.

7 giờ tối còn gọi là giờ.

20 giờ còn gọi là giờ tối.

23 giờ còn gọi là giờ đêm.

17 giờ còn gọi là giờ chiều.

d) Lúc 6 giờ kim ngắn chỉ số....kim dài chỉ số....

Lúc 13 giờ kim ngắn chỉ số....kim dài chỉ số.....

Lúc 20 giờ kim ngắn chỉ số....kim dài chỉ số.....

Lúc 7 giờ tối kim ngắn chỉ số...kim dài chỉ số...

e) 1 tuần lễ =ngày. 2 tuần lễngày.

1 ngày =giờ. 2 ngày =giờ.

10. Điền dấu (>, =, <) vào chỗ chấm :

58....85 38....41 100....99 + 1

23 + 39....72 65 – 56....19

87....93 – 6 48....52 – 3

11.

a) Đặt tính rồi tính tổng biết các số hạng là :

57 và 6 ; 69 và 8 ; 75 và 7 ; 58 và 14.

25. Tìm một số, biết rằng lấy số đó trừ 5 rồi trừ tiếp 3 thì được kết quả là 9.

b) Đặt tính rồi tính hiệu biết số bị trừ và số trừ lần lượt là:

84 và 9; 73 và 37; 54 và 36; 98 và 69.

12. Một dàn đu quay có 30 ghế ngồi. Một dàn đu quay khác có 45 ghế ngồi. Hỏi cả hai dàn đu quay đó có bao nhiêu ghế ngồi?

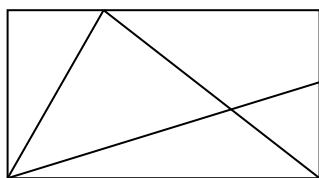
13. Huy có 34 viên bi. Bình có nhiều hơn Huy 9 viên bi. Hỏi Bình có bao nhiêu viên bi?

14. Đoạn thẳng AB dài 62 dm. Đoạn thẳng CD ngắn hơn đoạn thẳng AB 7 dm. Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu đề-xi-mét?

15. Bạn Đông cao 95 cm. Bạn Tây thấp hơn bạn Đông 6 cm. Hỏi bạn Tây cao bao nhiêu xen-ti-mét?

16. Bố mua 28 l xăng để dùng cho xe máy. Bố đã dùng hết 19 l xăng. Hỏi còn lại bao nhiêu lít xăng?

17. Đàn gà nhà bác Dậu có 45 con, trong đó có 7 con gà trống. Hỏi có bao nhiêu con gà mái?
18. Mai có 23 que tính, sau khi cho Ngọc một số que tính thì Mai còn 18 que tính. Hỏi Mai đã cho Ngọc mấy que tính ?
19. *Đố em* : Bác Tám lừa một đàn vịt đi chăn, đến một cánh đồng thì 25 con vịt chạy xuống nhặt thóc, còn lại 13 con vịt cứ đứng mãi trên bờ. Hỏi lúc đầu bác Tám lừa bao nhiêu con vịt đi chăn?
20. Cành trên có 19 quả chanh. Cành dưới có nhiều hơn cành trên 3 quả chanh. Hỏi:
- a) Cành dưới có mấy quả chanh?
- b) Cả hai cành có mấy quả chanh?
21. Nhi có 19 bông hoa, Hằng cho Nhi thêm 8 bông hoa nữa. Hỏi sau khi nhận được hoa của Hằng cho, Nhi có bao nhiêu bông hoa?
22. Ông 63 tuổi. Ông hơn bà 5 tuổi. Hỏi bà bao nhiêu tuổi?
23. Trong đợt thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, bạn Thảo được 14 điểm mười và ít hơn bạn Bình 2 điểm mười. Hỏi bạn Bình được bao nhiêu điểm mười?
24. Cô giáo có 72 quyển vở, sau khi phát cho học sinh cô còn 38 quyển vở. Hỏi cô giáo đã phát cho học sinh bao nhiêu quyển vở?
26. Sợi dây thứ nhất dài 5dm. Sợi dây thứ hai dài 37cm. Hỏi cả hai sợi dây dài bao nhiêu xăng-ti-mét?
27. Tổng của hai số là 42, số hạng thứ nhất là 25. Số hạng thứ hai là bao nhiêu?
28. Hình vẽ dưới đây có hình tam giác, có tứ giác.



B. MÔN TIẾNG VIỆT:

1. **Đọc:** Ôn từ tuần 1 đến tuần 17. Đọc và trả lời câu hỏi nội dung bài.
2. **Chính tả:** Ôn từ tuần 1 đến tuần 17.

3. Luyện từ và câu: Ôn từ tuần 1 đến tuần 17.

- a) Từ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động, trạng thái, tính chất.
- b) Đặt câu theo mẫu: Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào?
- c) Từ trái nghĩa, cùng nghĩa với từ đã cho.
- d) Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu hai chấm.

4. Tập làm văn: Ôn các bài đã học

- Kể về cô giáo em.
- Kể về người thân (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em).
- Kể về gia đình.
- Kể về bạn bè.
- Kể về con vật (mèo, gà, chó,...).

Tham khảo: <https://vndoc.com/de-thi-hoc-ki-1-lop2>